

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Tú Nhi

2. Ông Tô Văn Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1143/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm B, sinh năm 1985; thường trú: Số 46/4, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Trường C, sinh năm 1986; thường trú: Số 46/4, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm B và anh Lê Trường C tự nguyện về sống chung từ năm 2005. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố A, tỉnh D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 09/5/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại: Số 46/4, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C bài bạc, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần giang hồ đến nhà quậy phá; anh C còn thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện gây gỗ, đập phá nhà cửa, vợ con. Chị B đã nhiều lần khuyên nhủ mong anh C thay đổi để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung nhưng anh C không chịu thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã ly thân về mặt tình cảm và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày 09/6/2005. Khi ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Cẩm B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Trần Thị Cẩm B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Lê Trường C:* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/3/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 17/4/2020 và 12/5/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 17/4/2020 và 12/5/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Anh Lê Trường C và chị Trần Thị Cẩm B đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 09/5/2005 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố A, tỉnh D nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Thị Cẩm B xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C bài bạc, cá độ bóng đá, thường xuyên ăn nhậu về đập phá nhà cửa, đánh đập vợ con, chị B đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C không chịu thay đổi, không chăm sóc, quan tâm vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân về mặt tình cảm và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường B nhưng Hội phụ nữ không biết nguyên nhân các mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không đến, đồng thời chị B có đơn từ chối hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày 09/6/2005. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H có nguyện vọng được ở với chị B, từ trước đến nay chung sống với chị B, được chị B chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, quá trình tố tụng anh C không có ý kiến gì về việc chị B yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm B về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Lê Trường C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm B được ly hôn với anh Lê Trường C (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 09/5/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố A, tỉnh D cấp).

- Về con chung: Anh Lê Trường C giao con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày 09/6/2005 cho chị Trần Thị Cẩm B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029721 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- UBND phường B, TP. A, T. D (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng